

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 7

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÊ VĂN CẨM	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
2	BÊN NGHÉ	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
3	BÙI VĂN BA	TRỌN ĐƯỜNG		7.400
4	CÁC ĐƯỜNG TRONG CƯ XÁ NGÂN HÀNG			8.800
5	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ TÂN QUY ĐÔNG			8.800
6	CHUYÊN DỪNG 9	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
7	ĐÀO TRÍ	NGUYỄN VĂN QUỲ	GÒ Ô MÔI	3.600
		GÒ Ô MÔI	HOÀNG QUỐC VIỆT	3.600
		HOÀNG QUỐC VIỆT	TRƯỜNG HÀNG GIANG	3.600
8	VÕ THỊ NHỜ	HUỶNH TẤN PHÁT	ĐƯỜNG SỐ 5 KHU DÂN CƯ NAM LONG	5.500
9	ĐƯỜNG SỐ 10			6.400
10	ĐƯỜNG 17	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 10	8.800
		ĐƯỜNG SỐ 10	MAI VĂN VĨNH	8.800
11	ĐƯỜNG 17 (PHƯỜNG TÂN THUẬN TÂY)	TẤN MỸ	LÂM VĂN BÈN	8.200
12	ĐƯỜNG 15B (PHƯỜNG PHÚ MỸ)	PHẠM HỮU LẬU	SÔNG PHÚ XUÂN	6.400
		PHẠM HỮU LẬU	HOÀNG QUỐC VIỆT	7.600
13	ĐƯỜNG 60, 62 LÂM VĂN BÈN (PHƯỜNG TÂN KIẾNG)	LÂM VĂN BÈN	CUỐI TRƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ	6.000
14	ĐƯỜNG 67			7.800
15	ĐƯỜNG CẦU TÂN THUẬN 2	CẦU TÂN THUẬN 2	NGUYỄN VĂN LINH	8.300
16	NGUYỄN THỊ XIẾU	TRẦN XUÂN SOẠN	CHÂN CẦU TÂN THUẬN 2	7.500
17	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở TÂN AN HUY			7.400
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN QUY ĐÔNG			-
	ĐƯỜNG >= 16M			8.800
	ĐƯỜNG < 16M			7.400
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VEN SÔNG			-
	ĐƯỜNG SONG HÀNH VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH			11.100
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI >= 16M			7.900
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 16M			5.200
	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở TÂN PHONG			-

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
20	ĐƯỜNG SONG HÀNH VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ			11.000
	ĐƯỜNG NỘI LÊ VĂN LƯƠNG VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ			8.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI <= 12M			7.400
21	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VẠN PHÁT HUNG			-
	ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT NỘI DÀI (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			7.500
	ĐƯỜNG >= 16M			6.100
	ĐƯỜNG < 16M			5.100
22	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CHỢ LỚN (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			-
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI >= 16M			4.300
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 16M			3.400
23	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂN THUẬN (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			7.300
24	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ BỘ CÔNG AN (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			3.600
25	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU CƯ XÁ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG			3.600
26	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CẢNG BÊN NGHÉ			8.000
27	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG			8.000
28	ĐƯỜNG NỘI LÊ VĂN LƯƠNG VỚI NGUYỄN HỮU THỌ	NGUYỄN HỮU THỌ	LÊ VĂN LƯƠNG	13.200
29	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU DÂN CƯ CÔNG TY VẠN PHÁT HUNG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
30	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CÔNG TY VẠN PHÁT HUNG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
31	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU DÂN CƯ CÔNG TY TTNT (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			6.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
32	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CÔNG TY TTNT (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			5.200
33	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU QUY HOẠCH TÂN HƯNG (KIỀU ĐÀM NI TỰ)			10.200
34	ĐƯỜNG NHÁNH NỘI BỘ KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ TÂN HƯNG (KIỀU ĐÀM NI TỰ)			5.300
35	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH >= 14 M KHU DÂN CƯ CÔNG TY NAM LONG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			6.100
36	ĐƯỜNG NỘI BỘ < 14M KHU DÂN CƯ CÔNG TY NAM LONG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			3.800
37	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRONG KHU DÂN CƯ TÂN MỸ			11.000
38	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN MỸ			8.800
39	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1			11.000
40	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1 < 16M			7.400
41	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1 >= 16M			8.800
42	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ BỘ CÔNG AN	NGUYỄN VĂN QUÝ	KHU DÂN CƯ BỘ CÔNG AN	6.600
43	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ TÂN HƯNG (4,6 HA)			-
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		8.200
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
44	PHÚ THUẬN (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	ĐÀO TRÍ	HUỶNH TẤN PHÁT	7.400
		HUỶNH TẤN PHÁT	TÂN PHÚ	8.800
45	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN THÀNH LẬP (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			-
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
46	ĐƯỜNG VÀO CHỢ GÒ Ó MÔI	TRỌN ĐƯỜNG		7.400
47	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ LÊ HOÀI ANH (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
48	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN TRƯỜNG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			-
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH >= 14 M	TRỌN ĐƯỜNG		7.400
	ĐƯỜNG NHÁNH < 14 M	TRỌN ĐƯỜNG		6.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
49	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ ĐÀO CHIÊN THẮNG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			-
	_ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
50	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ PHÚ MỸ (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			-
	ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH			3.500
	_ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
51	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ NAM LONG (PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG)			-
	_ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
	_ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
52	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VÔ VĂN THOM (PHƯỜNG TÂN PHÚ)	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
53	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CỦA TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SÔNG MIỀN NAM	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
54	ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ CÔNG TY SAVIMEX (PHÚ THUẬN)			-
	_ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH >= 14 M			7.400
	_ĐƯỜNG NHÁNH < 14 M			6.600
55	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ HIM LAM (PHƯỜNG TÂN HUNG)			-
	ĐƯỜNG CÓ LỘ GIỚI >=16M			6.200
	ĐƯỜNG CÓ LỘ GIỚI <16M			5.500
56	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NAM (PHƯỜNG TÂN PHÚ)			-
	_ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
	_ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
57	GÒ Ô MÔI	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
58	HOÀNG QUỐC VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		7.600
59	HUỶNH TÂN PHÁT	CẦU TÂN THUẬN	NGUYỄN THỊ THẬP	11.100
		NGUYỄN THỊ THẬP	CẦU PHÚ XUÂN	10.200
60	LÂM VĂN BÈN	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
61	LÊ VĂN LƯƠNG	TRẦN XUÂN SOẠN	CẦU RẠCH BÀNG	11.900
		CẦU RẠCH BÀNG	CẦU RẠCH ĐĨA	10.100
62	LƯU TRỌNG LƯ	HUỶNH TÂN PHÁT	KHO 18	7.800
63	LÝ PHỤC MAN	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
64	MAI VĂN VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		10.700
65	NGUYỄN HỮU THỌ	CẦU KÊNH TÈ	BỜ SÔNG RẠCH ĐĨA	12.600
66	NGUYỄN THỊ THẬP	HUỶNH TÂN PHÁT	CẦU HIM LAM	16.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
67	NGUYỄN VĂN LINH	HUỶNH TẤN PHÁT	RẠCH THẦY TIÊU	15.400
		RẠCH THẦY TIÊU	LÊ VĂN LƯƠNG	23.500
		LÊ VĂN LƯƠNG	RẠCH ÔNG LỚN	13.000
68	NGUYỄN VĂN QUỶ	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
69	PHẠM HỮU LẬU	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
70	PHAN HUY THỰC	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
71	TẤN MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		8.000
72	TẤN THUẬN TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
73	TRẦN TRỌNG CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.200
74	TRẦN VĂN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
75	TRẦN XUÂN SOẠN	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU ĐÔ THỊ NAM THÀNH PHỐ			-
76	BERTRAND RUSSELL (CR.2102 + C22102)	TRỌN ĐƯỜNG		18.900
77	BÙI BẢNG ĐOÀN (BẮC PARK WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		17.200
78	CAO TRIỀU PHÁT (R.2102)	TRỌN ĐƯỜNG		19.200
79	ĐẶNG ĐẠI ĐỘ (R.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
80	ĐẶNG ĐỨC THUẬT (H.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		15.300
81	ĐỖ ĐỐC TUYẾT (CN.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
82	ĐƯỜNG 10	TRỌN ĐƯỜNG		14.200
83	ĐƯỜNG 15	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
84	ĐƯỜNG 16	TRỌN ĐƯỜNG		14.200
85	ĐƯỜNG 17	TRỌN ĐƯỜNG		14.200
86	ĐƯỜNG 18	TRỌN ĐƯỜNG		11.800
87	ĐƯỜNG 19	TRỌN ĐƯỜNG		13.300
88	ĐƯỜNG 2	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
89	ĐƯỜNG 20	TRỌN ĐƯỜNG		15.300
90	ĐƯỜNG 21	TRỌN ĐƯỜNG		11.600
91	ĐƯỜNG 22	TRỌN ĐƯỜNG		14.100
92	ĐƯỜNG 23	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
93	ĐƯỜNG 6	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
94	ĐƯỜNG B	HOÀNG VĂN THÁI	TRẦN VĂN TRÁ	12.900
		ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG 16	10.200
95	ĐƯỜNG C	HOÀNG VĂN THÁI	RẠCH CÁ CẨM	16.100
		RẠCH CÁ CẨM	ĐƯỜNG 23	12.500
96	ĐƯỜNG D	HOÀNG VĂN THÁI	TRẦN VĂN TRÁ	12.500
		ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG 16	10.400
97	ĐƯỜNG G	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
98	ĐƯỜNG N	TRẦN VĂN TRÁ	TÔN DẬT TIÊN	13.300
		NGUYỄN VĂN LINH	NGUYỄN ĐÓNG CHI	17.600
99	ĐƯỜNG O	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
100	ĐƯỜNG P	NGUYỄN VĂN LINH	HÀ HUY TẬP	15.700
		ĐƯỜNG 10	TRẦN VĂN TRÁ	17.000
101	ĐƯỜNG U	TRỌN ĐƯỜNG		16.900
102	HÀ HUY TẬP (H.2102)	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
103	HOÀNG VĂN THÁI (CR.2101+C.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		16.300
104	HÙNG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		14.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
105	LÊ VĂN THÊM (R.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		16.300
106	LUTHER KING (CR.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
107	LÝ LONG TƯỜNG (H.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
108	MORISON (CR.2103+C.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		18.600
109	NGUYỄN BÌNH (H.2109)	TRỌN ĐƯỜNG		18.600
110	NGUYỄN CAO (R.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
111	NGUYỄN ĐỨC CẢNH (NAM PARK WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		18.800
112	NGUYỄN ĐỒNG CHI	RẠCH KÍCH	PHAN VĂN NGHỊ	18.400
		PHAN VĂN NGHỊ	ĐƯỜNG N (BẮC)	19.000
		ĐƯỜNG N (BẮC)	NGUYỄN LƯƠNG BĂNG	17.700
113	NGUYỄN KHẮC VIỆN (C.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		19.200
114	NGUYỄN LƯƠNG BĂNG (BROAD WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		20.700
115	NGUYỄN PHAN CHÁNH (H.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		20.100
116	PHẠM THÁI BỪNG (H.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		21.900
117	PHẠM THIỀU (CR.2104 + C.2104)	TRỌN ĐƯỜNG		13.800
118	PHẠM VĂN NGHỊ (H.2108)	TRỌN ĐƯỜNG		17.100
119	PHAN KHIÊM ÍCH (R.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
120	PHAN VĂN CHUÔNG (R.2107)	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
121	PHỐ TIỂU BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		20.200
122	PHỐ TIỂU ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
123	PHỐ TIỂU NAM	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
124	RAYMONDIENNE (C.2104)	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
125	TÂN PHÚ (C.2109)	NGUYỄN VĂN LINH	CẦU CẢ CẨM 1	24.200
		CẦU CẢ CẨM 1	ĐƯỜNG 23	21.400
126	TÂN TRẢO (MARKET STREET)	TRỌN ĐƯỜNG		17.800
127	TÔN DẬT TIÊN (CR.2105)	NGUYỄN VĂN LINH	TRẦN VĂN TRÀ	22.000
128	TRẦN VĂN TRÀ (C.2401+C.2404 ROI RIVER DRIVE)	TÂN PHÚ	PHAN VĂN CHUÔNG	17.800
		ĐỒ ĐỐC TUYẾT	TÔN DẬT TIÊN	16.900
129	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU PHÚ MỸ HƯNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.200
130	LÊ THỊ CHỢ	HUỶNH TẤN PHÁT	ĐÀO TRÍ	8.100
131	NGÔ THỊ NHẠN	TÂN MỸ	NGÔ THỊ XIẾU	6.800
132	ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ PHÍA BẮC RẠCH BÀ BƯM (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			
		ĐƯỜNG >= 16 M		7.400
		ĐƯỜNG < 16 M		6.600
133	KHU DÂN CƯ DVCI QUẬN 4 (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
		ĐƯỜNG >= 16 M		4.300
		ĐƯỜNG < 16 M		3.400
134	KHU DÂN CƯ ADC (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
		ĐƯỜNG >= 16 M		4.300
		ĐƯỜNG < 16 M		3.400
135	KHU DÂN CƯ X51 (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
135	ĐƯỜNG >= 12M			4.300
	ĐƯỜNG < 12M			3.400
136	KHU DÂN CƯ CITY LAND (PHƯỜNG TÂN PHÚ)			
	ĐƯỜNG >= 16 M			13.040
	ĐƯỜNG < 16 M			9.780
137	ĐƯỜNG VÀO SÂN VẬN ĐỘNG (PHƯỜNG PHÚ MỸ)	HOÀNG QUỐC VIỆT	SÂN VẬN ĐỘNG QUẬN 7	6.000
138	LIÊN CẢNG A5	BẾN NGHÉ	CUỐI ĐƯỜNG	4.700
139	HOÀNG TRỌNG MẬU	ĐƯỜNG D4	ĐƯỜNG SỐ 18 KHU HIM LAM	8.400
140	CAO THỊ CHÍNH	ĐƯỜNG N5	CUỐI ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH KHU DÂN CƯ ĐÀO CHIẾN THẮNG	6.200

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ